

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÀ GIÁO GIẢNG DẠY NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY NĂM 2018

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun - môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sư phạm	Kỹ năng nghề Quốc gia và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ theo khung NLNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I. Giảng viên chuyên ngành										
01	Chung Trần Thế Vinh	Nam	Khoa CN Cơ khí	Thực hành Nguội cơ bản	Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy	ĐH SPKT		A	B1
02	Trần Đình Khải	Nam	Khoa CN Cơ khí	Thực hành Hàn cơ bản (nhóm 1, nhóm 2)	Thạc sỹ	Cơ khí nông nghiệp	ĐH SPKT		A	B1
03	Dương Minh Chung	Nam	Khoa CN Cơ khí	Thực hành Tiện cơ bản (nhóm 1, nhóm 2)	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT		B	B1
04	Dương Thị Hồng	Nữ	Khoa CN Cơ khí	Cơ lý thuyết	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		A	A2
05	Hà Phước Tuấn	Nam	Khoa CN Cơ khí	Sức bền vật liệu	Đại học	Chế tạo máy	ĐH SPKT	GVDN	Tin học căn bản	B1
06	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nam	Khoa CN Cơ khí	An toàn lao động	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		A	B1
07	Nguyễn Tam Cương	Nam	Khoa CN Cơ khí	Dung sai kỹ thuật đo; Nguyên lý - Chi tiết máy; Thực hành Tiện cơ bản	Thạc sỹ	Quản lý khoa học và công nghệ	ĐH SPKT		A	B1
08	Nguyễn Thanh Giang	Nam	Khoa CN Cơ khí	An toàn lao động	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	Sư phạm dạy nghề		A	B1

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun - môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Nghịệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề Quốc gia và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ theo khung NLNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
09	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Nam	Khoa CN Cơ khí	Thực hành Nguội cơ bản; Thực hành Hàn cơ bản	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT		A	A1
10	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	Khoa CN Cơ khí	Vẽ kỹ thuật; Dung sai kỹ thuật đo	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT		A	A1
11	Phan Thị Xuân Trang	Nữ	Khoa CN Cơ khí	Cơ lý thuyết; Sức bền vật liệu	Đại học	Kỹ thuật CN	ĐH SPKT		A	A2
12	Trần Thị Hương	Nữ	Khoa CN Cơ khí	Nguyên lý cắt kim loại	Thạc sỹ	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT		B	B1
13	Trương Thị Phương Hồng	Nữ	Khoa CN Cơ khí	Vật liệu học	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT		A	A1
14	Vũ Đức Pháp	Nam	Khoa CN Cơ khí	Nguyên lý cắt kim loại	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT		Tin học văn phòng	B1
15	Vũ Quang Khải	Nam	Khoa CN Cơ khí	Vẽ kỹ thuật	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT	CNKT	A	A2
II. Giảng viên dạy môn chung										
16	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	Khoa Khoa học cơ bản	Tiếng Anh	Thạc sỹ	Tiếng Anh	NVSP dành cho GV CD, ĐH		B	Thạc sỹ
17	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị Pháp luật	Thạc sỹ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	NVSP dành cho GV CD, ĐH		B	B1
18	Đỗ Thị Ngát	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị	Thạc sỹ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH SP		A	B1

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun - môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Nghịệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề Quốc gia và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ theo khung NLNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
19	Nguyễn Văn Danh	Nam	Khoa Công nghệ thông tin	Tin học	Đại học	Tin học	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Đại học	B1
20	Ngô Thanh Điền	Nam	Khoa Khoa học cơ bản	Giáo dục thể chất	Thạc sỹ	Khoa học giáo dục	CDSP		A	B1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2018
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Lim Vuir Bui

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÀ GIÁO GIẢNG DẠY NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY NĂM 2019

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Kỹ năng nghề Bậc 3 và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I. Giảng viên chuyên ngành										
01	Chung Trần Thế Vinh	Nam	Khoa Cơ khí	Thực hành CNC cơ bản	Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	A	IELTS 5.0
02	Bùi Anh Tuấn	Nam	Khoa Cơ khí	Lập trình CNC; Thực hành CNC cơ bản	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT		Tin học Ứng dụng cơ bản	Toeic 540
03	Vũ Đức Pháp	Nam	Khoa Cơ khí	Kỹ thuật chế tạo	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT		Tin học Ứng dụng cơ bản	B1
04	Vũ Quang Khải	Nam	Khoa Cơ khí	Vẽ kỹ thuật	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	Tin học Ứng dụng cơ bản	B
05	Đỗ Thị Phương Khanh	Nữ	Khoa Cơ khí	Anh văn chuyên ngành CNKT Cơ khí	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT	Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3	B	Đại học
06	Dương Minh Chung	Nam	Khoa Cơ khí	Máy cắt kim loại; Thực hành Tiện cơ bản; Thực hành Tiện nâng cao.	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	ĐH SPKT	3/7	B	C
07	Nguyễn Tiến Nhân	Nam	Khoa Cơ khí	Thiết kế trên máy máy tính CAD	Thạc sỹ	Chế tạo máy	ĐH SPKT		Tin học căn bản	B1
08	Lư Thị Yến Vũ	Nữ	Khoa Cơ khí	Vật liệu học; Bài tập lớn Vẽ kỹ thuật	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	- NVSP dành cho GV - SP dạy nghề	3/7	A	A
09	Nguyễn Duy Hải	Nam	Khoa Cơ khí	Thực hành Phay cơ bản (nhóm 1, nhóm 2)	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	Sư phạm dạy nghề		A	B1

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Kỹ năng nghề Bậc 3 và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nam	Khoa Cơ khí	Trang bị điện trong máy cắt kim loại; Các phương pháp gia công đặc biệt	Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí	SPDN trình độ TC nghề, CD nghề		A	Toeic 580
11	Nguyễn Tam Cương	Nam	Khoa Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy; Đồ án nguyên lý chi tiết máy; Thực hành tiện nâng cao	Thạc sỹ	Quản lý khoa học và công nghệ	ĐH SPKT	3/7	A	B1
12	Nguyễn Thành Long	Nam	Khoa Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	Thạc sỹ	Kỹ thuật Cơ khí	ĐH SPKT	3/7	Tin học Ứng dụng cơ bản	B1
13	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Nam	Khoa Cơ khí	Thực hành Ngụội cơ bản	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	A	B
14	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	Khoa Cơ khí	Vẽ kỹ thuật	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	Tin học Ứng dụng cơ bản	B
15	Phan Thị Xuân Trang	Nữ	Khoa Cơ khí	Cơ lý thuyết; Sức bền vật liệu	Đại học	Kỹ thuật CN	ĐH SPKT	3/7	A	B
16	Phan Văn Thành	Nam	Khoa Cơ khí	Thực hành Phay cơ bản (nhóm 1, nhóm 2)	Đại học	Chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	Tin học Ứng dụng cơ bản	B
17	Trần Minh Thông	Nam	Khoa Cơ khí	Các phương pháp gia công đặc biệt	Đại học	Kỹ thuật chế tạo	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Tin học Ứng dụng cơ bản	Toeic 420
18	Trần Thị Hương	Nữ	Khoa Cơ khí	An toàn lao động; Vật liệu học; Dung sai kỹ thuật đo	Thạc sỹ	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT	3/7	B	C
19	Trương Thị Phương Hồng	Nữ	Khoa Cơ khí	Lập trình CNC; Thiết kế trên máy tính CAD	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	ĐH SPKT		Tin học Ứng dụng cơ bản	B
20	Võ Minh Quang	Nam	Khoa Cơ khí	Thực hành Ngụội cơ bản	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	ĐH SPKT	Giáo viên dạy nghề	Tin học Ứng dụng cơ bản	B

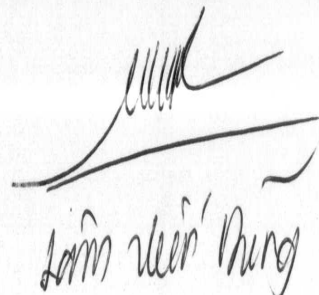
STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Kỹ năng nghề Bậc 3 và bậc thợ	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
21	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	Khoa Cơ khí	An toàn lao động	Thạc sỹ	Kỹ thuật Cơ khí	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH - Sư phạm dạy nghề		B	B1
22	Nguyễn Văn Thành	Nam	Khoa Điện - Điện tử	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	Thạc sỹ	Quản lý khoa học và công nghệ	SP THCN và dạy nghề	3/7	A	B1
II. Giảng viên dạy môn chung										
23	Nguyễn Văn Danh	Nam	Khoa Công nghệ thông tin	Tin học	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	3/7	Thạc sỹ	B1
24	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	Khoa Khoa học cơ bản	Tiếng Anh	Thạc sỹ	Tiếng Anh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		B	Thạc sỹ
25	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị Pháp luật	Thạc sỹ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		B	Đại học
26	Đỗ Thị Ngát	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị	Thạc sỹ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		A	Tiếng Pháp C
27	Ngô Thanh Điền	Nam	Khoa Khoa học cơ bản	Giáo dục thể chất	Thạc sỹ	Khoa học giáo dục	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Tin học Ứng dụng cơ bản	B1

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2019
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP


Lâm Văn Hùng

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÀ GIÁO GIẢNG DẠY NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY NĂM 2020

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ lý luận chính trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Giảng viên chuyên ngành											
01	Chung Trần Thế Vinh	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành CNC nâng cao - TH (nhóm 2)	Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy	- ĐH SPKT - BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	IELTS 5.0	Trung cấp
02	Trần Đình Khải	Nam	Khoa Cơ khí	- Công nghệ chế tạo máy - LT - Đồ án Công nghệ chế tạo máy - TH	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay	UD CNTT CB	B1	
03	Bùi Anh Tuấn	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành CNC nâng cao - TH (nhóm 1) - Thực hành CNC nâng cao - TH	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC	UD CNTT CB	Toeic 540	Sơ cấp
04	Vũ Đức Pháp	Nam	Khoa Cơ khí	- Kỹ thuật chế tạo - LT	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay	UD CNTT CB	B1	Trung cấp
05	Vũ Quang Khải	Nam	Khoa Cơ khí	- Dung sai - Kỹ thuật đo - LT	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B1	
06	Đỗ Thị Phương Khanh	Nữ	Khoa Cơ khí	- Lập trình CNC - LT	Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7 - CC Kỹ năng nghề Quốc gia nghề cắt gọt kim loại trên máy CNC	UD CNTT CB	Đại học	Trung cấp

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ lý luận chính trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
07	Dương Minh Chung	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Tiện nâng cao - TH (nhóm 1) - Thực hành Tiện nâng cao - TH (nhóm 2)	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT NC	B1	
08	Hà Phước Tuấn	Nam	Khoa Cơ khí	- Vẽ kỹ thuật - LT - Vẽ kỹ thuật - TH	Đại học	Chế tạo máy	ĐH SPKT	- Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7 - GV dạy nghề của Đức	UD CNTT CB	C	
09	Nguyễn Duy Hải	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực tập Phay nâng cao - TH (nhóm 1) - Thực tập Phay nâng cao - TH (nhóm 1)	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	SP dạy nghề dành cho GV dạy TC nghề, CĐ nghề	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay	A	B1	Trung cấp
10	Nguyễn Thanh Giang	Nam	Khoa Cơ khí	- Đồ án nguyên lý - Chi tiết máy - LT	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- Sư phạm dạy nghề - NVSP dành cho nhà giáo dạy trình độ CĐ	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay	A	IELTS 4.0	
11	Nguyễn Thành Long	Nam	Khoa Cơ khí	- Đồ án công nghệ chế tạo máy - TH	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- ĐH SPKT - BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B1	
12	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Hàn - TH (nhóm 1) - Thực hành Hàn - TH (nhóm 2)	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	- SP dạy nghề dành cho GV dạy TC nghề và CĐ nghề - SP Bậc 1	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B	
13	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Phay cơ bản - TH (nhóm 1) - Thực hành Phay cơ bản - TH (nhóm 2)	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	- SP Bậc 2 - BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại (Tiện vạn năng) - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B	

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ lý luận chính trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Phan Thị Xuân Trang	Nữ	Khoa Cơ khí	- Cơ kỹ thuật - LT	Đại học	Kỹ thuật CN	- SP Bậc 2 - BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B	
15	Phan Văn Thành	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Phay nâng cao - TH (nhóm 1) - Thực hành Phay nâng cao - TH (nhóm 2)	Đại học	Chế tạo máy	BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	UD CNTT CB	B	Sơ cấp
16	Trần Minh Thông	Nam	Khoa Cơ khí	- Kỹ thuật thủy lực 0 Khí nén - LT	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC	UD CNTT CB	Toeic 420	
17	Trần Thị Hương	Nữ	Khoa Cơ khí	- An toàn lao động - LT - Vật liệu học - LT	Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Chứng chỉ nghề Công nghệ Hàn bậc 3/7	B	C	
18	Trương Thị Phương Hồng	Nữ	Khoa Cơ khí	- Thực hành CNC cơ bản - TH (nhóm 1) - Thực hành CNC cơ bản - TH (nhóm 2)	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	- ĐH SPKT - NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC	UD CNTT CB	B	Sơ cấp
19	Võ Minh Quang	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Nguội - TH	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	- Giáo viên dạy nghề bậc CĐ - BD NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay - Giáo viên dạy nghề bậc CĐ	UD CNTT CB	B	Sơ cấp
20	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	Khoa Cơ khí	- Thực hành Hàn cơ bản - TH (nhóm 1) - Thực hành Hàn cơ bản - TH (nhóm 2)	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	- SP dạy nghề dành cho GV TCN, CĐN - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Hàn trên máy hồ quang tay	B	B1	
21	Nguyễn Khắc Huy	Nam	Khoa Cơ khí	- Các phương pháp gia công đặc biệt - LT	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC	A	B	

STT	Họ tên	Giới tính	Đơn vị	Tên mô đun, môn học đang giảng dạy	Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ lý luận chính trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
II. Giảng viên dạy môn chung											
22	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	Khoa Khoa học cơ bản	Tiếng Anh	Thạc sĩ	Tiếng Anh	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH - PP giảng dạy TOEIC		B	Thạc sĩ	Sơ cấp
23	Đỗ Thị Ngát	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị	Thạc sĩ	Chủ nghĩa XHKH	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		A	Tiếng Pháp C	Sơ cấp
24	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	Khoa Lý luận Chính trị	Giáo dục Chính trị Pháp luật	Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		B	TOEFL ITP 413	Trung cấp
25	Nguyễn Văn Danh	Nam	Khoa Công nghệ thông tin	Tin học	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- Kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5 nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) - Chứng chỉ nghề Quản trị mạng máy tính bậc 3/7	Thạc sĩ	B1	Sơ cấp
26	Ngô Thanh Điền	Nam	Khoa Khoa học cơ bản	Giáo dục thể chất	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục (Giáo dục thể chất)	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		UD CNTT CB	B1	Sơ cấp

HIỆU TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2020
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP



Phạm Hữu Lộc

Luân Việt Hồng